TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Số: 571 /BC –VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH SXKD, ĐTXD NĂM 2022

(Tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2021

I. Đặc điểm tình hình:

Tổng công ty bước vào thực hiện KHSXKD năm 2021 có những thuận lợi và khó khăn đan xen.

Về thuận lợi:

- Giá bán một số sản phẩm kim loại trên thị trường duy trì ở mức cao.

- Được sự chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời của TKV; sự đồng thuận của các cổ đông và sự đoàn kết, nỗ lực của tập thể lãnh đạo, người lao động toàn Tổng công ty.

Về khó khăn:

- Dịch viêm đường hô hấp cấp COVID-19 diễn biến hết sức phức tạp, ảnh hưởng rất lớn đến công tác điều hành, tổ chức sản xuất, mua bán sản phẩm, nguyên nhiên vật liệu. Đặc biệt là tại dự án Luyện đồng 2, nhiều lúc chuyên gia không nhập cảnh được, thiết bị không nhập khẩu được nên tiến độ bị chậm so với kế hoạch đề ra. Hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, du lịch tiếp tục bị thua lỗ.

- Tài nguyên khoáng sản tại một số mỏ giảm cả về hàm lượng và trữ lượng.

- Thủ tục xin cấp phép hoạt động khoáng sản bị kéo dài. Công tác đền bù, GPMB gặp rất khó khăn. Nhiều vướng mắc tại một số dự án rất khó tháo gỡ.

- Biến động giá cả thị trường đầu vào tăng mạnh làm tăng chi phí sản xuất.

Nhận diện được các thuận lợi và khó khăn thách thức, tập thể lãnh đạo và người lao động trong Tổng công ty đã thích ứng linh hoạt, đưa ra nhiều giải pháp phù hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD, ĐTXD đạt kết quả cao, nhiều chỉ tiêu vượt mức Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đã thông qua.

II. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu:

1. Các chỉ tiêu về giá trị

- Tổng doanh thu :

+ *Công ty mẹ*: 7.920,588 tỷ đồng; Trong đó doanh thu các sản phẩm khoáng sản Công ty mẹ: 3.754 tỷ đồng, đạt 75,32% KH và bằng 124,07% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân doanh thu Cty mẹ không đạt kế hoạch là do Nhà máy

Signature Not Verified
Ký bởi: NGÔ QUỐC TRUNG
Ký ngày: 15/3/2022 21:18:00

Luyện đồng 20.000 tấn/năm bị chậm tiến độ nên sản lượng đồng tấm giảm nhiều so với KH.

+ *Toàn TCT*: 8.010 tỷ đồng, bằng 93,12 % KH năm và bằng 128,7 % so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó: Doanh thu khoáng sản: 7.829 tỷ đồng, doanh thu khác: 181 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế:

+ *Công ty mẹ*: 686,966 tỷ đồng/173 tỷ đồng KH (đạt 397,1% KH)

+ *Hợp nhất toàn TCT*: 1.144 tỷ đồng/218 tỷ đồng KH (đạt 524,7 % KH)

(Xem chi tiết biểu tổng hợp thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của từng đơn vị kèm theo).

- Tổng số lao động:

+ *Công ty mẹ*: 2.220 người,

+ *Toàn Tổng công ty*: 4.618 người, bằng 93,52%KH và bằng 107,15% so với năm 2020.

- Thu nhập bình quân:

+ *Công ty mẹ:* 15,578 tr.đ/người/tháng.

+ *Toàn Tổng công ty:* 13,603 triệu đồng/người/tháng (đạt 151,86%KH, tăng 30,21% so với năm 2020).

- Nộp ngân sách: 1.235 tỷ đồng, tăng 201 tỷ đồng so với năm 2020 (trong đó: Công ty mẹ - Tổng công ty: 841,957 tỷ đồng, chiếm 68,17% trên tổng số nộp ngân sách toàn Tcty).

2. Các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất - tiêu thụ khoáng sản

Các dây chuyền công nghệ khai thác, tuyển khoáng, luyện kim quặng đồng, thiếc, kẽm, tinh quặng sắt,… hoạt động tương đối ổn định, đảm bảo các chỉ tiêu công nghệ, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Kết quả sản lượng sản xuất và tiêu thụ một số sản phẩm chủ yếu như sau:

TT	Sản phẩm	ĐVT	KH 2021	TH cả năm 2021	Tỷ lệ (%) so với KH đầu năm	Tỷ lệ (%) so với cùng kỳ
I	**Thành phẩm sản xuất**					
1	Tinh quặng đồng (HL 25% Cu)	Tấn	67.383	67.402	100,03	98,11
-	Nhà máy 1	"	33.691	31.165	92,50	117,88
-	Nhà máy 2	"	33.691	36.237	107,56	85,74
2	Đồng cathode	Tấn	25.000	18.216	64,94	123,29
-	Luyện đồng I	"	12.500	13.587	108,69	103,18
-	Luyện đồng II	"	12.500	4.629	37,04	
3	Tinh quặng sắt quy 60% Fe	Tấn	179.340	195.775	109,16	114,99
4	Kẽm thỏi	Tấn	12.000	12.500	104,17	102,46
5	Vàng thỏi	Kg	880	664	75,44	118,55
-	Luyện đồng I	"	540	613	113,49	109,44

TT	Sản phẩm	ĐVT	KH 2021	TH cả năm 2021	Tỷ lệ (%) so với KH đầu năm	Tỷ lệ (%) so với cùng kỳ
-	Luyện đồng II	"	340	51	15,01	
6	Bạc thỏi	Kg	995	670	67,36	120,76
-	Luyện đồng I	"	520	600	115,44	108,16
-	Luyện đồng II	"	475	70	14,72	
7	Phôi thép	Tấn	220.000	200.006	90,91	97,56
8	Axit sulfuric	Tấn	125.490	102.965	82,05	161,69
II	**Tiêu thụ**					
1	Đồng tấm 99,95%Cu	Tấn	25.000	13.044	52,18	94,59
2	Kẽm thỏi	"	12.000	12.133	101,11	99,27
3	Thiếc thỏi	"	130	131	100,77	90,97
4	Tinh quặng sắt quy 60%Fe	"	202.000	170.355	84,33	89,83
5	Vàng	Kg	882	604	68,48	108,63
6	Bạc	Kg	995	670	67,34	145,02
7	Axit H2SO4	Tấn	115.800	88.214	76,18	150,00
8	Phôi thép	Tấn	225.000	192.949	85,76	90,78
	Trong đó: CT5 bán cho chế tạo máy	"	90.000	91.008	101,12	104,16

3. Kết quả thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản

Giá trị thực hiện ĐTXD cả năm 2021 của Công ty mẹ Tổng công ty: 1.217.157 triệu đồng, bằng 102,5% KH năm 2021, trong đó:

- Trả nợ khối lượng năm trước: 0 công trình.

- Thực hiện đầu tư dự kiến năm năm 2021: Thực hiện đầu tư cho 20 dự án/công trình với tổng giá trị dự kiến 1.217.157 triệu đồng, đạt 102,5% kế hoạch 2021 (bao gồm: 07 dự án/công trình chuyển tiếp, 13 dự án/công trình khởi công mới, 0 dự án/công trình chuẩn bị dự án).

➢ **Cơ cấu đầu tư**

- Xây lắp: 187.554 triệu đồng.
- Thiết bị: 882.516 triệu đồng.
- Quản lý, tư vấn, GPMB và khác: 147.088 triệu đồng.

➢ **Nguồn vốn**

Nguồn vốn đã giải ngân: 518.288 triệu đồng.
+ Vốn vay thương mại: 249.818 triệu đồng.
+ Vốn chủ sở hữu: 268.470 triệu đồng.
+ Phúc lợi đơn vị: 0 triệu đồng.
+ Huy động khác: 0 triệu đồng.
Nguồn vốn chưa giải ngân: 698.869 triệu đồng.

*** Tình hình thực hiện kế hoạch ĐTXD một số dự án/công trình trọng điểm:**

- Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai: dự án đã cơ bản hoàn thành, đã phê duyệt quyết toán giai đoạn 1, các hạng mục công trình chính đã đi vào sản xuất ổn định (phần khai thác mỏ đưa vào sản xuất từ tháng 12/2018, phần nhà máy tuyển đưa vào sản xuất tháng 01/2019), các chỉ tiêu công nghệ đều đạt và vượt so thiết kế. Do vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng nên vẫn còn 3 hạng mục/gói thầu chưa thể triển khai thực hiện được.

- Dự án Mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai: Dự án chậm tiến độ do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan tồn tại từ những năm trước. Đặc biệt là sự kiện bất khả kháng – đại dịch Covid 19 kéo dài, nhưng Tcty đã quyết tâm tập trung mọi nguồn lực, tích cực phối hợp các bên, sáng tạo, quyết liệt thực hiện các giải pháp để đưa nhà máy vào vận hành thương mại trong quý IV/2021. Nhà máy được đưa vào vận hành trong muôn vàn khó khăn đã đánh dấu bước phát triển vượt bậc của Tổng công ty, đã giải quyết được nhiều khó khăn về tài chính và được các cấp, các ngành đánh giá cao sự nỗ lực của Tổng công ty.

Ngoài các dự án/công trình trọng điểm nêu trên, năm 2021 Tổng công ty thực hiện đầu tư một số dự án nhóm C có trong kế hoạch đầu tư xây dựng và một số công trình đầu tư duy trì phục vụ sản xuất của các đơn vị như: mua sắm thiết bị 10 xe ôtô tự đổ 55÷60 tấn đã được đầu tư, đưa vào sử dụng từ tháng 9/2021 tại mỏ đồng Sin Quyền; Đầu tư Dự án đầu tư khai thác mỏ thiếc gốc Tây Nam Núi Pháo; Cải tạo hệ thống tự động hóa Nhà máy Tuyển đồng; Hệ thống quan trắc tự động, liên tục khí thải sản xuất axit sunfuaric - Nhà máy Luyện đồng Lào Cai 2; Hệ thống bơm - 56 khai trường khu đông - Chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai – Vimico; Cải tạo đài tưởng niệm địa chất Tổng công ty Khoáng sản - TKV và đầu tư các dự án đầu tư duy trì sản xuất... Giá trị thực hiện năm 2021 các dự án nhóm C khoảng: 130.571 triệu đồng.

III. Đánh giá các mặt công tác, quản lý chủ yếu:

1. Về điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, ĐTXD

Ngay từ đầu năm, Tổng công ty đã ban hành nhiều giải pháp điều hành và quyết liệt chỉ đạo các đơn vị bám sát kế hoạch, xây dựng các phương án sản xuất phù hợp với từng thời điểm và tình hình thực tế từng đơn vị, đảm bảo sản xuất có hiệu quả. Đã có nhiều biện pháp linh hoạt, theo sát diễn biến dịch bệnh, diễn biến giá cả thị trường trong nước và thế giới để lựa chọn thời điểm, phương án SX, tiêu thụ đảm bảo giá bán cạnh tranh, có lợi nhất cho doanh nghiệp.

Công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động SXKD và chấp hành kỷ luật, kỷ cương điều hành ngày càng đi vào nề nếp, ứng phó kịp thời với những diễn biến phức tạp của thiên tai, dịch bệnh và môi trường kinh doanh.

Ngoài nhiệm vụ SXKD, thực hiện chỉ đạo của TKV, Tổng công ty đã liên danh với các nhà thầu thực hiện bóc đất đá tại Công ty cổ phần đồng Tả Phời nhằm chuẩn bị quặng cho nhà máy tuyển, mua toàn bộ tinh quặng đồng của mỏ Tả Phời để chuẩn bị nguyên liệu cho 2 nhà máy luyện đồng.

2. Về thực hiện các mặt công tác chủ yếu

2.1. Công tác thăm dò, phát triển tài nguyên

Trong năm đã tích cực phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai thực hiện công tác TDKS, PTTN. Đã và đang triển khai 6 nhiệm vụ/ đề án, tổng giá trị dự kiến

năm 2021 là 16,118 tỷ đồng, đây là các đề án cần thiết, cấp bách cho việc chuẩn bị nguyên liệu trong thời gian tới của Tổng công ty. Đồng thời, hỗ trợ các Công ty con xin cấp phép hoạt động khoáng sản như: chuyển đổi Giấy phép khai thác mỏ Chợ Điền; bổ sung quy hoạch mỏ kẽm chì Đầm Vạn; khai thác tận thu bãi thải khu Tây mỏ Tĩnh Túc.

2.1. Công tác khai thác mỏ

Nhìn chung, công tác khai thác mỏ năm 2021 hoàn thành khá tốt các chỉ tiêu công nghệ, đáp ứng đủ nguyên liệu cho các nhà máy tuyển khoáng, luyện kim. Nhiều chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, khai thác, tận thu được các loại quặng nghèo, an ninh trật tự được giữ vững. Tùy theo điều kiện mỏ - địa chất, thiết bị, lao động,.. cụ thể ở từng mỏ để đưa ra các các giải pháp phù hợp để tăng năng suất, hạ giá thành sản phẩm.

Kết quả công tác khai thác các mỏ chủ yếu năm 2021 như sau:

a. Khai thác quặng đồng tại mỏ Sin Quyền và Vi Kẽm

Trong quá trình điều hành sản xuất đã áp dụng nhiều giải pháp để cao năng suất, hạ giá thành, phù hợp với công tác đền bù, GPMB. Cơ bản cung cấp đủ nguyên liệu cho 2 nhà máy tuyển hoạt động. Sản lượng chủ yếu như sau:

- Mỏ Sin Quyền: đất đá bóc 14,322 triệu m^3 bằng 102,31% KH và bằng 128,13% năm 2020. Quặng nguyên khai 2,148 triệu tấn bằng 99,92% KH và bằng 100,62% năm 2020.

- Mỏ Vi Kẽm: đào lò 2.651 mét lò, trong đó đào lò CBSX là 1.563 mét lò, đào lò XDCB 1.088 mét.

- Quặng nguyên khai: 28.336 tấn bằng 141,68% KH.

b. Khai thác quặng kẽm, chì, sắt, thiếc tại các Công ty con: đã phối hợp, chỉ đạo người đại diện phần vốn thực hiện việc khai thác tối đa các loại quặng theo GPKT nhằm cung ứng đủ cho SX và nhu cầu thị trường trong điều kiện giá cả các loại quặng đều diễn biến thuận lợi.

2.2. Công tác tuyển khoáng

- *Tuyển đồng:* công nghệ hoạt động ổn định, cung cấp tinh quặng đồng cho NM luyện đồng số 1 đạt hàm lượng 25,85%Cu/KH 25,50%Cu, bằng 101,37% KH;

- *Tuyển chì kẽm:* phối hợp lập phương án hoàn thiện công nghệ tuyển chì-kẽm Chợ Điền như: bổ sung 02 máy tuyển 2,8m3, khâu tuyển kẽm để ổn định chất lượng tinh quặng; Thay thế máy phân cấp ruột xoắn FG12 bằng FG15 để phù hợp với công suất nghiền bi, ổn định độ mịn nghiền; Cải tạo hệ thống đập, sàng, nâng sức chứa Bunke 120 tấn lên 400 tấn, giảm cỡ hạt vào nghiền để tăng năng suất từ 130 tấn/ca lên 150 tấn/ca; Cải tạo công nghệ, sử dụng sàng quay đánh tơi thay thế sàng song tại xưởng tuyển chì ôxit, qua đó thực thu tuyển tăng ~3% so với trước;

- *Tuyển xỉ đồng:* phối hợp tổ chức chạy chỉnh định, công nghệ xưởng tuyển xỉ Nhà máy luyện đồng 2; Nghiên cứu thu hồi sắt trong đuôi tuyển xỉ tại các Nhà máy luyện đồng.

2.3. Công tác luyện kim

- *Sản xuất đồng cathode:*

+ Đối với Nhà máy luyện đồng số 1, đã phối hợp triển khai các giải pháp để sản lượng đạt cao nhất, thực hiện giảm tiêu hao vật tư, năng lượng, nhiên liệu…như: tăng thêm 04 bể điện phân chính để nâng cao sản lượng sản phẩm, rút ngắn thời gian sửa

chữa, giảm thời gian hoạt động giờ điện cao điểm tại lò điện 1.500kVA, thử nghiệm nấu luyện tinh quặng đồng Núi Pháo...;

+ Đối với Nhà máy luyện đồng số 2 thuộc Dự án mở rộng Nhà máy luyện đồng Lào Cai, đã phối hợp chuẩn bị Phương án và tổ chức thực hiện chạy thử đảm bảo an toàn, nghiệm thu bàn giao đi vào sản xuất, thực hiện các giải pháp hoàn thiện nâng cao năng lực hoạt động công nghệ, đạt tương đương thiết kế;

2.4. Công tác cơ điện, tin học hóa, tự động hóa và sáng kiến cải tiến

a) Công tác huy động và sử dụng thiết bị:

- Công tác huy động thiết bị cho sản xuất tại các đơn vị luôn ở mức cao để đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- Thiết bị khai thác, vận tải: Tại một số đơn vị khó khăn về điều kiện sản xuất như diện tích tầng công tác hẹp, đường vận tải nhỏ, dốc, nhiều cua gấp,...đã làm ảnh hưởng tới năng suất, chất lượng thiết bị (Chi nhánh MĐV). Tại một số đơn vị như KS3, KS&LK Cao Bằng,... năng suất thiết bị khâu khai thác vận tải còn thấp do còn nhiều thiết bị cũ, lạc hậu đã qua nhiều năm sử dụng.

- Thiết bị tuyển khoáng và luyện kim luôn được huy động sản xuất ở mức cao, cơ bản đạt công suất thiết kế.

- Các xưởng cơ khí ở các đơn vị sản xuất chủ yếu là thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị tại chỗ.

- Một số loại hình công việc do thiếu năng lực và/hoặc không có thiết bị phục vụ do không đầu tư mua sắm kịp thời được thực hiện qua hình thức thuê ngoài.

b) Công tác trung đại tu thiết bị, SCTX:

- Công tác trung đại tu thiết bị: Giá trị TĐT TSCĐ tại Công ty mẹ: 289.416 triệu đồng/300.946 triệu đồng KHĐC, bằng 96% kế hoạch năm.

- Công tác SCTX: Công tác SCTX được duy trì, thực hiện tốt theo đúng chu kỳ, đúng nội dung sửa chữa, thay thế và đúng quy định của Tập đoàn. Các đơn vị đều cố gắng tăng cường công tác gia công chế tạo và phục hồi vật tư phụ tùng cũ, nhằm tiết giảm giá trị SCTX. Tổng giá trị SCTX, gia công chế tạo phục hồi năm 2021 tại Công ty mẹ thực hiện là: 221.094 triệu đồng/211.966 triệu đồng KHĐC, bằng 104% kế hoạch năm.

c) Công tác quản lý, sử dụng nguyên nhiên vật liệu, điện năng:

Thực hiện công tác sử dụng vật tư cơ điện trên cơ sở phấn đấu giảm tiêu hao trong sản xuất, cơ bản đảm bảo chỉ tiêu tiêu hao định mức. Tổng lượng điện sử dụng toàn Tổng công ty trong cả năm 2021 đạt 322,6 triệu kWh/349,1 triệu kWh, bằng 92% KH năm.

d) Công tác CNTT, tin học hóa - tự động hóa:

- Thực hiện khai thác triệt để các tính năng cơ bản hiện có của các ứng dụng THH trong công tác điều hành, tác nghiệp nhằm nâng cao năng lực quản lý các hoạt động SXKD của Tổng công ty; Đồng thời tập trung triển khai các ứng dụng THH – TĐH vào công tác sản xuất, quản lý cũng như điều hành sản xuất của Tổng công ty, dần từng bước đáp ứng được nhu cầu, mục tiêu đề ra của Tổng công ty cũng như các văn bản chỉ đạo của Tập đoàn TKV.

- Trong công tác quản trị hệ thống mạng diện rộng, hệ thống máy chủ và các phần mềm quản lý nội bộ của Tổng công ty được thực hiện tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng phục vụ công tác chuyên môn của Cơ quan Tổng công ty cũng như các công ty con, đơn vị

trực thuộc; Hoàn thành xong việc lập trình bổ sung, mở rộng các tính năng hiện đang vận hành của phân hệ (Tài chính kế toán; quản lý vật tư, kho; tổ chức & lao động tiền lương) và đưa vào sử dụng tại Nhà máy luyện đồng 2 từ tháng 08/2021; Ứng dụng kịp thời hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến tích hợp phần cứng và phần mềm để phục vụ nhu cầu họp trực tuyến và làm việc online của Tổng công ty trước diễn biến phức tạp của dịch Covid – 19.

đ) Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất

- Tổ chức thực hiện 08 đề tài KHCN cấp Tập đoàn TKV (trong đó đã thực hiện xong 04 đề tài chuyển tiếp từ năm 2020, giá trị 7,65 tỷ đồng; đang tiếp tục thực hiện 04 đề tài được TKV giao từ tháng 6/2021, giá trị 8,3 tỷ đồng).

- Toàn Tổng công ty có 145 sáng kiến cải tiến kỹ thuật - hợp lý hóa sản xuất được công nhận, giá trị làm lợi 48,3 tỷ đồng (trong đó: Công ty mẹ Tổng công ty có 58 sáng kiến - hợp lý hóa, giá trị làm lợi 14,3 tỷ đồng; Công ty CP KLM Thái Nguyên có 52 sáng kiến - hợp lý hóa, giá trị làm lợi 28,6 tỷ đồng; Công ty Gang thép Cao Bằng có 35 sáng kiến - hợp lý hóa, giá trị làm lợi 5,4 tỷ đồng).

2.5. Công tác An toàn - Môi trường – Bảo vệ

Năm 2021, giá trị thực hiện công tác ATVSLĐ đạt 44,585/ 46,592 tỷ đồng, bằng 95% KHN; công tác PCTT-ƯCSC đạt 1,674/ 3,718 tỷ đồng, bằng 45% KHN; chi phí MTTX đạt 15,452/ 18,896 tỷ đồng, bằng 82% KHN. Tổng số tiền chi cho công tác phòng chống dịch bệnh Covid – 19 khoảng 15,9 tỷ đồng. Cụ thể:

a) Công tác ATVSLĐ: Luôn được chú trọng từ ban hành văn bản chỉ đạo đến tổ chức triển khai và kiểm tra kết quả thực hiện. Đảng ủy Tổng công ty ban hành Nghị quyết số 01 NQ/ĐU ngày 05/01/2021 về công tác đảm bảo ATVSLĐ năm 2021; Chương trình hành động số 90 -CTr/ĐU ngày 05/5/2021 về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác ATVSLĐ, giai đoạn 2021 – 2025. Thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo các đơn vị thực hiện công tác ATVSLĐ.

b) Công tác BVMT: các đơn vị đã chú trọng hơn trong việc chỉnh định công nghệ, chủ động kiểm soát các nguồn nước thải, khí thải. Hoàn thành báo cáo và được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (điều chỉnh). Tại Nhà máy Luyện đồng 2 đã hoàn thành xây dựng và vận hành công trình xử lý chất thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường; lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, kết nối với Sở Tài nguyên và Môi trường Lào Cai.

c) Công tác ANTT: Tổng công ty ban hành Kế hoạch số 2080/KH-VIMICO ngày 05/8/2021 tăng cường công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ trong khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản giai đoạn 2021-2025; chỉ đạo các đơn vị thường xuyên củng cố các trạm/ chốt kiểm soát phương tiện ra vào ranh giới mỏ; củng cố lực lượng bảo vệ, phòng ngừa vi phạm đối với những vị trí, khu vực dễ phát sinh tiêu cực.

2.6. Công tác tiêu thụ, quản lý mua sắm vật tư

a) Về công tác tiêu thụ sản phẩm: Hầu hết các sản phẩm chính và chiếm tỷ trọng lớn về doanh thu do Công ty mẹ và các Công ty con sản xuất như: vàng, bạc, phôi thép,… đều được thực hiện tiêu thụ thông qua phương thức đấu giá, chào giá cạnh tranh nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch đồng thời tăng cường sức cạnh tranh về giá. Tcty đang tích cực tìm kiếm khách hàng tiềm năng để mở rộng thị trường.

b) Về công tác quản lý mua sắm vật tư:

+ Bám sát KH kỹ thuật, SXKD đã được duyệt để xây dựng KH cung ứng vật tư phục vụ sản xuất, sửa chữa đảm bảo kịp thời, hạn chế tối đa tồn kho vật tư, ứ đọng vốn. Tuân thủ quy trình, trình tự mua sắm theo đúng quy định và các văn bản hướng dẫn của TKV. Chủ động tìm kiếm các nguồn vật tư thay thế trong nước, đảm bảo cung ứng vật tư duy trì sản xuất trong tình hình dịch COVID-19 tác động đến khả năng cung cấp vật tư của rất nhiều đơn vị cung ứng.

+ Tăng cường kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý vật tư tại các đơn vị, đảm bảo việc thực hiện Quy chế quản lý vật tư tại các đơn vị phù hợp với tình hình thực tiễn,... Giao chỉ tiêu tồn kho vật tư cho các đơn vị, coi đây là 1 trong các chỉ tiêu đánh giá cán bộ cuối năm. Dự kiến tỷ lệ tồn kho cả năm đạt dưới 6% theo quy định của TKV.

Trong năm, việc sử dụng sản phẩm dịch vụ trong nội bộ TKV luôn được Tổng công ty quan tâm, chú trọng và tăng cường triển khai. Dự kiến tổng khối lượng dầu nhờn đã sử dụng do Cty CP Vật tư – TKV cấp trong năm 2021 là 116.413 lít dầu Cominlub với giá trị là 6,588 tỷ (Gang thép CB: 20.482 lít, giá trị 1,066 tỷ; MĐV: 95.931 lít, giá trị 5,52 tỷ đồng) và dầu khác (Enoc Vulcan) với giá trị 238,26 triệu đồng; Thực hiện ký kết hợp đồng mua than cục 5a với Công ty Kinh doanh Than Bắc Thái phục vụ sản xuất phôi thép, đồng tấm với giá trị 14,75 tỷ đồng; Làm việc với Công ty Cơ khí và Chế tạo máy để cung cấp vật tư đúc các loại như răng gầu, lưỡi ben, lưỡi góc, hay bi nghiền,...với tổng giá trị 5 tỷ đồng.

2.7. Công tác kế hoạch, quản trị chi phí - giá thành

- Bám sát kế hoạch điều hành, kế hoạch chi phí - giá thành được duyệt, giao kế hoạch cho các Chi nhánh; Chỉ đạo các Cty con, đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch điều hành, kế hoạch quản trị chi phí – giá thành của đơn vị để làm cơ sở triển khai thực hiện. Các chi phí phát sinh được thực hiện trên cơ sở xác định nhu cầu, sự cần thiết phải triển khai để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đề ra trong năm.

- Công tác kiểm tra, kiểm soát chi phí, giá thành sản xuất, công tác mua sắm vật tư tại các đơn vị được thực hiện thường xuyên. Chỉ đạo tăng cường thu hồi vật tư đã qua sử dụng, đánh giá chất lượng vật tư thu hồi từ đó có biện pháp xử lý để tái sử dụng nhằm tiết giảm chi phí mua vật tư, phụ tùng mới. Chất lượng vật tư được đảm bảo, cung ứng vật tư kịp thời và có dự phòng cho sản xuất đặc biệt trong thời điểm dịch Covid 19 diễn biến phức tạp, việc mua vật tư nhập khẩu khó khăn.

- Tập trung quản lý tiêu hao nhiên liệu, sản lượng,… thông qua hệ thống quản lý thiết bị bằng GPS (thiết bị khai thác, vận tải) tại Chi nhánh. Tăng cường quản lý tiêu hao điện năng, vật tư chủ yếu, giám sát chất lượng và đơn giá vật tư nhập kho, tích cực sử dụng dịch vụ nội bộ, tái sử dụng vật tư cũ.

- Thực hiện rà soát, xây dựng chi tiết kế hoạch SXKD giai đoạn 2021-2025 trình và đã được TKV thông qua và đang hoàn thiện để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.8. Công tác tổ chức đào tạo, lao động tiền lương và tái cấu trúc

a) Về công tác tổ chức, cán bộ:

- Thực hiện đạt yêu cầu công tác, phù hợp quy định. Trong năm có điều động, bổ nhiệm một số chức danh…. Qua bổ nhiệm cho thấy kết quả hoạt động của các đơn vị, phòng ban được nâng lên. Thành lập mới các PXSX ở LĐV phù hợp với quy mô sx, đã ổn định và phát huy hiệu quả.

- Triển khai và hoàn thành việc rà soát điều chỉnh bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020 – 2025 tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

b) Về công tác đào tạo :

- Trong năm, Tcty tiếp tục thực hiện đào tạo 252 CNKT khai thác mỏ hầm lò và Cơ điện mỏ hầm lò để cung cấp nguồn nhân lực cho dự án Vi Kẽm, trong đó luân chuyển từ năm 2020 chuyển sang với tổng số 131 lao động; phối hợp cùng Chi nhánh LĐV xây dựng cơ cấu tổ chức định biên lao động Nhà máy luyện đồng số 2, triển khai thành lập mới các phân xưởng, tuyển dụng lao động, điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý đảm bảo đầy đủ theo định biên phê duyệt, đáp ứng đủ nguồn lao động cho Nhà máy đi vào hoạt động.

- Tổ chức đào tạo chức danh dự bị giám đốc doanh nghiệp khóa 11, 12, 13 để chuẩn bị nguồn cán bộ kế cận của Tổng công ty. Tiếp tục quản lý đào tạo cán bộ theo chương trình của TKV tại Trường QTKD và ĐH Queenslend - Australia; đào tạo các chuyên gia đầu ngành về kỹ thuật các lĩnh vực như Luyện kim học tại Australia; Khai thác mỏ, trắc địa mỏ học tại Ba Lan

- Bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ phòng, ban quản lý các đơn vị và Cơ quan Tổng công ty theo chương trình đào tạo của TKV với tổng số 237 lượt cán bộ tham gia tập huấn các lớp.

c) Về công tác lao động tiền lương :

- Thực hiện các giải pháp quản trị và điều hành về lao động và tiền lương theo kế hoạch và Nghị quyết của Đảng bộ tổng công ty đảm bảo tiền lương và thu nhập cho người lao động.

- Phối hợp với đơn vị tư vấn triển khai đánh giá hiệu quả công việc theo KPI tại Tổng công ty theo QĐ số 118/QĐ-VIMICO ngày 29/01/2021 về quy trình thiết lập và kiểm soát thực hiện công việc theo KPI; đã ban hành Quy trình thiết lập và kiểm soát thực hiện công việc theo KPI.

d) Về việc thực hiện đề án tái cấu trúc của Tcty

- Công ty CP Du lịch và thương mại Bằng Giang: đã thực hiện chào bán (khớp lệnh) trên sàn UpCom nhưng chưa thành công.

- Công ty CP Gang thép Lào Cai: đang thực hiện rà soát các điều kiện thực tế để lựa chọn giải thể hoặc sáp nhập.

- Hoàn thiện mô hình Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai khi đưa Nhà máy luyện đồng số 2 vào hoạt động.

- Tổng công ty Báo cáo Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 trình xin ý kiến TKV thông qua.

2.9. Công tác tài chính, kế toán, thanh tra kiểm toán nội bộ

a) Về công tác tài chính, kế toán:

Tiếp tục duy trì mối quan hệ với các NHTM truyền thống của TCT để tái tục và tăng hạn mức tín dụng tại một số ngân hàng. Nghiên cứu, áp dụng các sản phẩm tín dụng phù hợp nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ SXKD, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Đối với nguồn vốn dài hạn bố trí cho các DA: đã giải quyết các vướng mắc về giải ngân vốn vay cho DA mở rộng nâng công suất NM luyện đồng Lào Cai tại VCB, tiếp tục giải ngân cho DA. Tháo gỡ các khó khăn, triển khai công tác thanh toán cho các gói

thầu; kê khai, nộp các sắc thuế liên quan đến nhập khẩu thiết bị nhằm đảm bảo tiến độ thi công, lắp đặt thiết bị cho DA.

Tăng cường kiểm soát tài chính, dòng tiền hợp lý để nâng cao hiệu quả SXKD. Có phương án xử lý các vấn đề tồn tại tài chính của toàn Tổng công ty. Huy động sử dụng vốn theo kế hoạch, đúng mục đích. Bám sát KH điều hành để đảm bảo an toàn tài chính DN.

Hỗ trợ các công ty con trong việc tiếp xúc với các tổ chức tín dụng để thu xếp nguồn vốn ngắn hạn phục vụ SXKD.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu tài chính:

+ Định mức tín dụng ngắn hạn (tỷ đồng): 1.600 /1.600 KH

+ Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn (lần): 0,96/ 0,75 KH

+ Hệ số Nợ phải trả/ Vốn CSH (lần): 2,52/2,43 KH, đảm bảo theo quy định <3 lần.

b) Về công tác Thanh tra - Kiểm toán nội bộ:

Thực hiện kiểm tra soát xét cơ bản các hợp đồng, dự thảo hợp đồng và lập báo báo thẩm định điều chỉnh dự toán của Tổng công ty. Thẩm tra Báo cáo quyết toán Dự án hoàn thành và các vấn đề liên quan đến việc biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của các công ty con cổ phần. Kiểm soát công tác quản lý mua sắm vật tư tại các đơn vị định kỳ quý, 6 tháng.

4.10. Các mặt công tác khác:

Các tổ chức chính trị - xã hội của Tổng công ty đã tích cực hoạt động, phối hợp tốt với chuyên môn trong các hoạt động SXKD, chăm lo lợi ích người lao động. Các mặt hoạt động, công tác của Tổng công ty vẫn duy trì ổn định, phù hợp với tình hình SXKD và diễn biến dịch bệnh.

IV. Một số tồn tại, hạn chế trong năm 2021:

1. Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng: chậm làm ảnh hưởng đến kế hoạch đổ thải mỏ Sin Quyền và tiến độ thực hiện đầu tư nhiều dự án, nhất là khu vực mỏ Sin Quyền và mỏ sắt Nà Rụa.

2. Công tác đầu tư: Do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 và nhiều nguyên nhân khác nhau nên tiến độ thực hiện đầu tư bị chậm: Dự án mở rộng nâng công suất Nhà máy Luyện đồng Lào Cai công suất 20.000 tấn/năm không đạt theo kế hoạch; Dự án khai thác mỏ đồng Vi Kẽm chậm tiến độ đào giếng nghiêng.

3. Công tác đầu tư vốn vào doanh nghiệp: Do nhiều nguyên nhân khác nhau, tình hình đầu tư vốn vào doanh nghiệp nhìn chung chưa đạt kết quả như mong muốn. Công ty CP Khoáng sản Luyện kim Cao Bằng, Gang thép Cao Bằng năm 2021 đã có lãi cao nhưng vẫn chưa đủ bù đắp lỗ lũy kế các năm trước. Công ty cổ phần Thương mại và Du lịch Bằng Giang bị thua lỗ; Công ty cổ phần Đất hiếm Lai Châu vẫn gặp nhiều vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

4. Công tác an toàn: Vẫn có TNLĐ xảy ra ở một số đơn vị.

B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH

- Tình hình dịch Covid - 19 vẫn đang diễn biến rất phức tạp, nhưng giá bán khoáng sản chủ yếu như đồng tấm, kẽm thỏi, phôi thép vẫn đang có chiều hướng nằm trong vùng hỗ trợ giá, mang lại lợi ích cho doanh nghiệp.

- Công tác GPMB tiếp tục khó khăn do hầu hết các địa phương đều ban hành đơn giá đất mới cho giai đoạn 2022-2025 ; điều kiện khai thác tại đa số các đơn vị khó khăn hơn; máy móc thiết bị xuống cấp; thiếu nguyên liệu để sản xuất cho Tổ hợp gang thép Cao Bằng và trong trung, dài hạn là Nguyên liệu để SX đồng tấm tại của các Nhà máy luyện đồng Lào Cai.

- Chính sách thuế phí tiếp tục duy trì ở mức cao; các yêu cầu về môi trường trong hoạt động khoáng sản ngày nghiêm ngặt;

- Các dự án mới đi vào hoạt động, áp lực về chi phí tài chính rất lớn.

II. MỤC TIÊU

Mục tiêu tổng quát là: **AN TOÀN – PHÁT TRIỂN – HIỆU QUẢ** đối với mỗi đơn vị thành viên và toàn Tổng công ty. Các mục tiêu kế hoạch cụ thể là:

1. Sản lượng sản xuất:

1.1. Công ty mẹ- Tổng công ty

Đồng tấm: 30.000 tấn; Tinh quặng đồng 25% Cu: 68.582 tấn; Vàng 99,95%Au: 1.005 kg; Bạc 99,95%Ag: 1.170 kg; A xít sunfuric: 111.200 tấn; Tinh quặng sắt 60%Fe: 123.585 tấn. Mỏ đồng Sin Quyền bóc đất > 14 triệu m^3 và khai thác 2,1 triệu tấn quặng nguyên khai; Mỏ Vi kẽm: 116.000 tấn.

1.2. Công ty con do Tổng công ty nắm giữ cổ phần chi phối

Kẽm thỏi 99,95%Zn: 12.300 tấn; Thiếc thỏi 99,75%Sn: 125 tấn; Phôi thép: 220.000 tấn; Tinh quặng sắt 60%Fe: 78.780 tấn (mỏ Kíp Tước); A xit sunfuric: 18.000 tấn (KLM Thái Nguyên).

2. Tổng doanh thu:

- Doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty: 11.712 tỷ đồng. Trong đó: Sản xuất khoáng sản: 11.626 tỷ đồng; Sản xuất kinh doanh khác: 86 tỷ đồng.

- Doanh thu Công ty mẹ: 7.191 tỷ đồng, trong đó: Doanh thu khoáng sản: 7.121 tỷ đồng, doanh thu khác: 70 tỷ đồng.

3. Lợi nhuận:

- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế toàn Tcty: 847 tỷ đồng, trong đó: Lợi nhuận từ khoáng sản: 801 tỷ đồng; Lợi nhuận từ kinh doanh khác: 46 tỷ đồng.

- Lợi nhuận Công ty mẹ: 595 tỷ đồng, trong đó: Từ khoáng sản: 554 tỷ đồng; Kinh doanh khác: 41 tỷ đồng.

4. Cổ tức: 15%

5. Đầu tư xây dựng cơ bản: 1.214,337 tỷ đồng. Trong đó: Xây lắp: 236,221 tỷ đồng; Thiết bị: 903,631tỷ đồng; Chi phí tư vấn và khác: 74,485 tỷ đồng.

6. Lao động, Tiền lương và các chế độ chính sách đối với người lao động

- Lao động sử dụng BQ: 5.141 người, trong đó Cty mẹ - Tcty: 2.658 người.

- Tiền lương bình quân chung toàn Tổng công ty điều hành đảm bảo đạt 13,059 triệu đồng/người/tháng. Trong đó: Công ty mẹ - Tcty: 15,237 triệu đồng/người/tháng.

- Năng suất lao động tính trên doanh thu đạt 2,323 tỷ đồng/người-năm (trong đó: Cty mẹ Tcty: 2,793 tỷ đồng/người-năm).

7. Nộp ngân sách: 948,618 tỷ đồng.

8. Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo:

8.1. Kế hoạch tuyển dụng: Tổng số lao động tuyển dụng: 518 người, trong đó: Công ty mẹ - Tổng công ty: 365 người.

8.2. Kế hoạch đào tạo: 355 người, tổng kinh phí: 8,122 tỷ đồng

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

III. CÁC BIỆN PHÁP CẦN TẬP TRUNG TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2022

Với mục tiêu phấn đấu hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022, Tcty và các đơn vị thành viên cần bám sát các giải pháp chủ yếu để điều hành, trong đó tập trung vào thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao năng suất, thực thu khoáng sản có ích, quản trị chi phí nhằm hạ giá thành, góp phần nâng cao hiệu quả SXKD chung, cụ thể:

1. Điều hành ổn định các mặt hoạt động sản xuất, kinh doanh trong toàn Tổng công ty

- Tiếp tục chấn chỉnh, duy trì kỷ luật, kỷ cương, quyết liệt và sâu sát hơn nữa trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, tái cơ cấu từ Tổng công ty tới các đơn vị thành viên. Xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm các quy chế quản lý của Tổng công ty.

- Căn cứ kế hoạch SXKD đã được phê duyệt, các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch điều hành sản xuất, phương án tiêu thụ trên cơ sở bám sát diễn biến giá cả thị trường để điều hành chi phí một cách linh hoạt, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất trong toàn Tổng công ty. Kiểm soát chi phí hàng tháng nhằm hạn chế tối đa các chi phí phát sinh ngoài kế hoạch. Đổi mới công tác tiêu thụ theo hướng đảm bảo công khai, minh bạch và tăng cường tính tự chủ tại mỗi đơn vị SX trong điều kiện tiếp tục duy trì dòng tiền tập trung.

- Tăng cường công tác quản trị tài nguyên, chất lượng sản phẩm, an toàn và bảo vệ môi trường. Kiểm soát chặt chẽ và tối ưu hóa các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ (giảm định mức tiêu hao cốc/gang, tăng tỷ lệ thực thu tuyển khoáng, luyện kim, giảm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng,…). Nâng cao hiệu quả vận hành các nhà máy, dây chuyền công nghệ, thiết bị, giảm số sự cố, giảm tỷ lệ dừng máy (cả dừng bảo dưỡng và dừng sự cố), giảm số ngày dừng vận hành không theo kế hoạch.

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng, giá cả đầu vào đối với nguyên nhiên liệu, vật tư tiêu hao đưa vào sản xuất ở tất cả các khâu, nâng cao hiệu suất vận hành tất cả các nhà máy tuyển khoáng, luyện kim, hiệu quả kinh doanh. Nghiên cứu, vận hành linh hoạt, có hiệu quả cơ chế mua vật tư tập trung, hướng đến việc nhập khẩu trực tiếp vật tư trọng yếu, giá trị lớn. Xây dựng KH sử dụng và tổ chức thực hiện cung cấp quặng sắt giai đoạn 2023-2025 cho Khu liên hợp GTCB, trong đó cân đối cung cấp tối đa nguồn trong VIMICO cấp cho CISCO nhằm đảm bảo đáp ứng đủ nguyên liệu quặng sắt cho GTCB sau năm 2022.

- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai các giải pháp công nghệ để nâng cao hơn nữa tỷ lệ thực thu, thu hồi các khoáng vật có ích đi kèm tại các nhà máy tuyển khoáng, luyện kim nhằm góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

- Tăng cường sử dụng sản phẩm, dịch vụ, hỗ trợ lẫn nhau trong nội bộ Tổng công ty, nội bộ Tập đoàn để giúp nhau cùng phát triển, mở rộng thị trường trên cơ sở đảm bảo chất lượng, giá cạnh tranh và hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

2. Tập trung thực hiện đề án tái cấu trúc Tổng công ty, hoàn thiện và đổi mới công tác quản trị nội bộ doanh nghiệp

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 sau khi được các cấp có thẩm quyền thông qua/phê duyệt. Thực hiện xong việc thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty CP Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng theo hình thức khớp lệnh; Đối với Cty CP Gang thép Lào Cai, hoàn thiện phương án giải thể hoặc sát nhập vào Công ty mẹ trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt; Lập phương án xây dựng, cải tạo, nâng cấp Cơ sở 1 (Trung tâm Sa Pa) để đón khách nghỉ dưỡng phù hợp với nhu cầu trong giai đoạn hiện nay.

- Phối hợp với TKV để hoàn thiện các hồ sơ theo kế hoạch thoái vốn của TKV tại VIMICO.

3. Tập trung đẩy mạnh công tác quản lý đầu tư, phát triển tài nguyên

3.1. Công tác quản lý đầu tư xây dựng

- Tập trung chỉ đạo và huy động mọi nguồn lực, biện pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác Quyết toán vốn và thực hiện đầu tư các công trình trọng điểm, công trình lớn của Tổng công ty như: Dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai; Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai; Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nặm Kép; Tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương để GPMB phục vụ khai thác khu vực sin quyền và giải quyết dứt điểm vướng mắc trong công tác triển khai để đưa khu Bắc mỏ sắt Nà rụa vào khai thác từ năm 2023.

- Tăng cường kiểm soát tiến độ thực hiện dự án Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm và công tác chuẩn bị đầu tư Dự án khai thác tầng sâu Sin Quyền để đảm bảo nguyên liệu cho các nhà máy tuyển và luyện đồng.

- Phối hợp các bên Lập quy hoạch sử dụng đất để khai thác chế biến khoáng sản trên địa bàn Lào Cai tính đến 2030 và tầm nhìn đến 2045 trình tỉnh Lào Cai theo thoả thuận của TKV và UBND tỉnh Lào Cai;

- Tăng cường đề cao vai trò công tác kiểm tra và thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong toàn Tổng công ty, đặc biệt là việc rà soát trình tự và thủ tục đầu tư đối với các dự án đã và đang thực hiện. Tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát, đánh giá đầu tư.

3.2. Công tác thăm dò, phát triển tài nguyên

3.2.1. Đối với Công ty mẹ

- Lập báo cáo tổng kết Đề án thăm dò NCTL trong ranh giới giấy phép khai thác mỏ đồng Sin Quyền, Lào Cai đảm bảo tiến độ và chất lượng.

- Tiếp tục triển khai thi công Đề án thăm dò bổ sung NCTL trong ranh giới khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Lào Cai phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của Đề án phê duyệt.

- Tổng hợp tài liệu để triển khai lập đề án thăm dò tổng thể phần sâu toàn mỏ Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai.

- Triển khai thủ tục xin bổ sung quy hoạch thăm dò làm cơ sở lập Đề án thăm dò mỏ đồng khu Đông Nam Sin Quyền, Lào Cai. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền thông qua việc không đấu giá quyền khai thác tại một số khu mỏ mới để triển khai thủ tục xin thăm dò.

- Lập phương án và thi công khoan phục vụ khai thác mỏ đồng Sin Quyền, mỏ đồng Vi kẽm, Bát Xát, Lào Cai để cung cấp thông tin phục vụ khai thác đảm bảo kế hoạch sản lượng năm.

- Tiến hành quan trắc dịch động bờ mỏ và bãi thải mỏ đồng Sin Quyền, Lào Cai theo định kỳ; Thi công phương án đo bổ sung lưới khống chế trắc địa khu vực mỏ Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai.

3.2.2. Phối hợp, hỗ trợ công ty con/đơn vị thành viên hoàn thiện thủ tục chuyển đổi Giấy phép khai thác mỏ kẽm chì Chợ Điền, Bắc Cạn; Lập hồ sơ phê duyệt dự án khai thác mỏ thiếc Nặm Kép;.....

3.2.3. Nhiệm vụ khác

- Hoàn thiện thủ tục xin điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản tại mỏ đồng Sin Quyền.

- Phối hợp với đơn vị tư vấn nghiên cứu, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án mở rộng nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền, Lào Cai đảm bảo chất lượng và tiến độ.

- Làm việc với Bộ TNMT và các cơ quan liên quan về sử dụng kết quả điều tra cơ bản địa chất khoáng sản vùng Tây Bắc phục vụ cho công tác thăm dò phát triển tài nguyên của Tổng công ty.

- Tiếp tục triển khai các đề tài: Ứng dụng KHCN tiên tiến trong đánh giá triển vọng các thân quặng ẩn sâu khu Tây mỏ đồng Sin Quyền phục vụ công tác định hướng phát triển tài nguyên xuống sâu toàn mỏ.

4. Tăng cường áp dụng KHCN, nghiên cứu các giải pháp công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, thực thu khoáng sản góp phần giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm nâng cao hiệu quả SXKD

4.1. Công tác khai thác tại Mỏ đồng Sin Quyền:

- Từng bước cải tạo hệ thống khai thác, điều kiện khai trường chuẩn bị cho thực hiện dự án khai thác mở rộng mỏ Sin Quyền đảm bảo an toàn và hiệu quả kinh tế.

- Tiếp tục áp dụng các giải pháp kỹ thuật trong công tác khoan – nổ mìn, điều chỉnh các chỉ tiêu nổ mìn hợp lý để nâng cao chất lượng nổ mìn, góp phần tăng năng suất thiết bị khâu khai thác – vận tải. Sử dụng có hiệu quả máy khoan thủy lực đường kính nhỏ (đk 90-127mm) trong công tác khoan nổ mìn tạo biên nhằm nâng cao góc dốc sườn tầng, bờ mỏ nhằm tăng tốc độ khai thác xuống sâu tại các moong khai thác.

- Chuẩn hóa công tác phân tích, đánh giá hàm lượng QNK để thực hiện tốt công tác điều hành, xúc bốc chọn lọc QNK trên khai trường. Tổ chức nghiệm thu các chỉ tiêu: độ cứng, thể trọng đất đá, cấp đường vận tải… phù hợp với sản xuất và các quy định, quy phạm hiện hành.

- Sử dụng các đồng bộ thiết bị xúc – vận tải có năng suất cao tại các khu vực moong sâu để giảm tiêu hao, nâng cao hiệu quả của khâu khai thác – vận tải.

* Mỏ đồng Vi Kẽm:

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật mỏ các khâu khoan nổ mìn, xúc bốc, vận tải, thông gió, công tác thoát nước, quản lý vật liệu nổ công nghiệp, từng bước cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt cho người lao động. Kiểm soát người ra vào lò bằng thẻ quẹt, máy chấm vân tay, tham quan các đơn vị ứng dụng thẻ gắn chíp định vị để nghiên

cứu áp dụng phù hợp, duy trì kiểm soát mọi mặt hoạt động sản xuất trong lò thông qua hệ thống camera giám sát, đo kiểm soát khí mỏ theo quy định.

- Chú trọng công tác an toàn vận hành khâu vận tải bằng trục tải tại các giếng nghiêng, giám sát sự tuân thủ các quy định về an toàn trong việc lập, triển khai sản xuất các hộ chiếu thi công an toàn trong đào, chống lò và biện pháp an toàn trong hệ thông khai thác khai thác quặng hầm lò sự tuân thủ các thông số kỹ thuật, kích thước so với quy định, công tác kiểm tra phát hiện kịp thời xử lý đá om, đá treo. Áp dụng các biện pháp chống giữ phù hợp với điều kiện địa chất phức tạp của mỏ.

- Từng bước nghiên cứu, áp dụng các giải pháp tự động hóa, cơ giới hóa trong sản xuất khai thác mỏ như khâu khoan, xúc bốc, vận tải, bơm thoát nước tại các hầm bơm, trạm quạt thông gió chính, trạm khí nén sau khi hoàn thành các hạng mục XDCB để tăng năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

- Tiếp tục triển khai các đề tài: Đánh giá đặc điểm địa chất thủy văn (ĐCTV) trong đới dập vỡ và đề xuất giải pháp tháo khô mỏ đồng Vi Kẽm; Thông số khoan nổ mìn hợp lý đảm bảo an toàn các đường lò lưu không, phục vụ cho sản xuất được an toàn và hiệu quả.

4.2. Công tác tuyển khoáng

Phối hợp chỉ đạo ổn định thiết bị, công nghệ các Nhà máy/xưởng tuyển linh hoạt phù hợp hàm lượng quặng nguyên khai vào tuyển, nhằm đạt tỷ lệ thu hồi tối ưu. Trong đó:

- *Tuyển đồng:* cung cấp tinh quặng đồng đạt hàm lượng > 25%Cu cho NM luyện số 1; sản xuất tinh quặng sắt S<1% cung cấp cho Gang thép Cao Bằng;

- *Tuyển sắt*: Hoàn thiện công nghệ tuyển quặng sắt mỏ Làng Vinh - Làng Cọ; Thực hiện bổ sung thiết bị thu hồi sắt trong bãi thải quặng đuôi xưởng tuyển sắt Kíp Tước thu hồi tối đa tài nguyên;

- *Tuyển xỉ đồng*: Tiếp tục nghiên cứu, thực hiện phương án thu hồi sắt trong đuôi tuyển xỉ tại các Nhà máy luyện đồng;

4.3. Công tác luyện kim

- *Sản xuất đồng cathode:* thực hiện ưu tiên nguồn nguyên liệu tinh quặng hàm lượng ~ 25%Cu từ Mỏ tuyển giao Nhà máy luyện đồng 1 phù hợp quy mô công suất nhỏ hơn, đảm bảo thời gian hoạt động có ích của công nghệ, phối hợp thực hiệncác giải pháp giảm tiêu hao và chi phí. Tập trung nguồn lực tối đa để hoàn thiện và nâng cao năng lực hoạt động công nghệ tại Nhà máy Luyện đồng 2 để nhanh chóng đạt và tốt hơn thiết kế, làm chủ kỹ thuật vận hành, nhanh chóng triển khai phương án nâng cao chất lượng dung dịch điện phân trong quý I/2022, thực hiện cải thiện tốt hơn các chỉ tiêu công nghệ và tiêu hao, thay thế vật tư phù hợp, đầu tư hệ thống thiết bị phân tích để kiểm soát công nghệ, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm đồng cathode tương đương tiêu chuẩn kỹ thuật thị trường LME.

- *Sản xuất kẽm thỏi:* cung cấp đủ và ổn định nguyên liệu tinh quặng kẽm, tăng cường kiểm soát hoạt động công nghệ, khử tạp chất đảm bảo chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực xử lý bã đúc kẽm, giảm hàm lượng kẽm trong bã thải để nâng cao thực thu, tăng cườn thực hiện tái chế tấm cực để giảm chi phí.

- *Sản xuất gang thép:* phối hợp tham mưu trọng tâm có đủ và dự phòng các nguyên vật liệu chủ yếu (nhất là quặng sắt, thép phế), ổn định hoạt động thiết bị và công

nghệ, nâng cao thời gian hoạt động có ích của công nghệ, tăng cường phun than antraxit, thu hồi tối đa sắt trong mê gang, mê thép, xỉ thép, tự chế tạo ghi thiêu kết, bi nghiền từ gang lỏng lò cao để sử dụng nội bộ, tiếp tục nghiên cứu để sản xuất các sản phẩm khác từ gang lỏng, thép lỏng …

4.4. Công tác cơ điện

- Huy động và sử dụng hiệu quả năng lực thiết bị hiện có tại các đơn vị. Hợp lý hóa trong việc cải tạo, nâng cấp nhằm ổn định/nâng cao năng lực hoạt động của các thiết bị đáp ứng yêu cầu trong từng công đoạn sản xuất. Điều phối hợp lý năng lực thiết bị giữa các đơn vị trong Tổng công ty, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng thiết bị cho sản xuất tại các đơn vị.

- Tiếp tục duy trì tốt chế độ kiểm tra, chăm sóc thiết bị tại các đơn vị sản xuất đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng thiết bị cho sản xuất.

- Tăng cường trong công tác quản lý, sử dụng vật tư, nguyên nhiên vật liệu tại các đơn vị sản xuất. Triển khai việc sử dụng vật tư trong nước thay thế dần vật tư nhập khẩu để tiết giảm chi phí cũng như tăng tính chủ động trong quá trình điều hành sản xuất. Rà soát, hoàn thiện định mức tiêu hao vật tư sản xuất và tập trung xây dựng bộ định mức sửa chữa các cấp cho Nhà máy luyện đồng 2 (Chi nhánh LĐV) và Phân xưởng Khai thác hầm lò (Chi nhánh MĐV).

- Chú trọng việc khai thác hết các tính năng hiện có của các ứng dụng THH trong công tác điều hành, tác nghiệp nhằm nâng cao năng lực quản lý các hoạt động SXKD của Tổng công ty; Triển khai ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu đối với dữ liệu của một số chuyên ngành trọng điểm đã có cơ sở dữ liệu trong ERP để đưa ra các chỉ tiêu phục vụ công tác quản trị, hỗ trợ dự báo, quản lý điều hành trong hoạt động SXKD của Tổng công ty.

4.5. Tăng cường quản lý công tác tiêu thụ, kiểm soát, quản trị chặt chẽ các chi phí đầu vào

- Đối với công tác tiêu thụ sản phẩm :

+ Theo dõi, phân tích và nắm bắt diễn biến giá cả thị trường để xây dựng KH tiêu thụ, giá sàn đấu giá tiêu thụ hợp lý với giá cả cạnh tranh, lựa chọn thời điểm thích hợp để đấu giá.

+ Phối hợp chặt chẽ với TKV để đẩy mạnh tiêu thụ đồng tấm.

+ Tập trung tiêu thụ Phôi thép CT5 cho Công ty CP Chế tạo máy – Vinacomin và thép SD295 cho các khách hàng phù hợp với tình hình sản xuất và theo giá thị trường.

+ Mua tinh quặng đồng từ Công ty CP Đồng Tả Phời, Công ty CP Núi Pháo. Tìm kiếm các nguồn tinh quặng đồng khác trong và ngoài nước, hướng đến kế hoạch dài hạn về nguồn nguyên liệu cho các nhà máy luyện đồng.

- Đối với quản lý vật tư và các chi phí đầu vào:

+ Xây dựng kế hoạch nhu cầu sử dụng vật tư trong năm đảm bảo đúng đủ về số lượng, chất lượng, hạn chế tối đa tồn kho không cần thiết. Chọn lọc, phân loại và tổ chức lựa chọn nhà cung cấp, ký hợp đồng nguyên tắc cho cả năm đối với các vật tư, hóa chất thuốc tuyển tiêu hao theo định mức. Rà soát danh mục vật tư dự phòng cần thiết có ảnh hưởng lớn tới dây chuyền để mua dự phòng nhằm có nguồn chủ động thay thế khi

có sự cố bất chắc xảy ra, nhất là Nhà máy Luyện đồng số 2 khi mới đi vào sản xuất. Xây dựng phương án nhập khẩu một số vật tư tiêu hao có gia trị lớn, đồng thời tìm nguồn cung cấp vật tư nhập khẩu thay thế nguồn từ Trung Quốc để phòng ngừa rủi ro logistic từ chính sách của Trung Quốc.

+ Chỉ đạo các đơn vị xem xét, rà soát thanh lý nhượng bán vật tư, phụ tùng tồn kho lâu, không có nhu cầu sử dụng để thu hồi vốn phục vụ sản xuất.

+ Tiếp tục quản lý chỉ tiêu tồn kho vật tư đảm bảo đạt dưới 6% theo quy định (trong đó: Vật liệu dưới 5%). Giao chỉ tiêu tồn kho cho các đơn vị ngay từ đầu năm, để có biện pháp điều chỉnh kịp thời nếu mức tồn kho vượt quá quy định.

+ Hoàn thiện việc chuyển đổi Bộ mã vật tư đang sử dụng sang Bộ mã TKV áp dụng thống nhất trong toàn Tcty.

- Đối với công tác kế hoạch, quản trị chi phí, giá thành

+ Bám sát kế hoạch điều hành năm 2022 để triển khai thực hiện đảm bảo có hiệu quả.

+ Hoàn thiện và ban hành hệ thống định mức KTKT áp dụng trong nội bộ Tcty ngay trong quý I/2022

+ Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, rà soát chi phí giá thành sản xuất, tiêu thụ tại các đơn vị có quy mô lớn như: Chi nhánh MĐV, Chi nhánh LĐV, CTCP Gang thép Cao Bằng, CTCP KLM Thái Nguyên hàng tháng theo hướng bám sát kế hoạch điều hành đã được HĐQT thông qua.

+ Tập trung kiểm tra rà soát chi phí công đoạn khai thác tại mỏ đồng Sin Quyền (Khoan, bốc xúc, vận tải khai trường) trên cơ sở hệ thống định mức của Vimico và đơn giá công đoạn của TKV.

+ Rà soát định mức tiêu hao, chi phí sửa chữa TX, SCCC.

4.6. Đẩy mạnh công tác đảm bảo ATVSLĐ, BVMT và ANTT

Mục tiêu công tác ATVSLĐ, BVMT, ANTT là **"không tai nạn, không sự cố, giảm bệnh nghề nghiệp"** và **"phát triển sản xuất đi đôi với bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh trật tự"**. Một số nhiệm vụ trọng tâm triển khai trong năm 2022 như sau:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 90 -CTr/ĐU ngày 05/5/2021 của Đảng ủy Tổng công ty về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác ATVSLĐ, giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch số 2080/KH-VIMICO ngày 05/8/2021 của Tổng công ty về tăng cường công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ trong khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản giai đoạn 2021-2025.

- Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục ý thức "tự chủ an toàn" trong sản xuất. Xây dựng ý thức tự chủ an toàn, ý thức tự nêu gương từ người đứng đầu các cấp và lan tỏa đến người lao động.

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, triển khai ứng dụng cơ giới hóa và tự động hóa nhằm mục tiêu tăng năng suất, đảm bảo an toàn lao động, giảm phát thải ảnh hưởng đến môi trường.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả về công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 để ổn định sản xuất, không để lây nhiễm trong cán bộ, CBCNV-LĐ; thực hiện tốt mục kép "vừa phòng chống dịch, vừa đảm bảo sản xuất".

4.7. Tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất

- Tiếp tục thực hiện các đề tài NCKH năm 2021 chuyển sang và phối hợp thực hiện các đề tài NCKH năm 2022 đảm bảo chất lượng, tiến độ.

- Đẩy mạnh công tác sáng kiến cải tiến, hợp lý hóa sản xuất để giảm chi phí, nâng cao hiệu quả, cải thiện điều kiện lao động và môi trường, cải tiến kỹ thuật công nghệ, thiết bị, tập trung giảm chỉ tiêu tiêu hao, nhất là đối với sản xuất đồng, kẽm và phôi thép.

5. Quản trị tài chính doanh nghiệp

- Căn cứ kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư XDCB để xây dựng kế hoạch tài chính Công ty mẹ. Thu xếp, cân đối dòng tiền đảm bảo cho nhu cầu hoạt động SXKD và đầu tư của năm theo từng tháng, quý.

- Tiếp tục hỗ trợ các Cty con trong việc tiếp xúc làm việc với các tổ chức tín dụng để thu xếp vốn.

- Xây dựng mục tiêu các chỉ tiêu tài chính chủ yếu và bám sát hoạt động SXKD để điều hành đảm bảo an toàn tài chính toàn TCT.

- Xử lý dứt điểm các tồn tại tài chính đã được nhận định, đánh giá. Kiểm soát để không phát sinh các tồn tại mới.

- Thông qua Người đại diện QLV tại các Cty con, phối kết hợp các giải pháp nhằm hỗ trợ các Cty thoát khỏi tình trạng giám sát tài chính đặc biệt.

6. Chăm lo xây dựng đội ngũ, phát triển nguồn nhân lực, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động

- Tổ chức triển khai thực hiện KH LĐTL năm 2022 phù hợp với tình hình SXKD của các đơn vị trong toàn Tổng công ty.

- Tiếp tục đào tạo lực lượng lao động cho Dự án Mỏ hầm lò Vi Kẽm; chú trọng đội ngũ công nhân tay nghề cao các ngành nghề; tăng cường đào tạo nâng cao trình độ quản lý, lý luận chính trị cho cán bộ quản lý và và trình độ CMNV cho đội ngũ kỹ thuật nghiệp vụ của Tổng công ty và các đơn vị.

- Tiếp tục thực hiện rà soát định biên lao động và cơ cấu tổ chức các đơn vị trong Tổng công ty nhằm giảm tỷ lệ lao động quản lý, phục vụ; tinh gọn bộ máy, nâng cao năng suất lao động, từ đó tăng tiền lương và thu nhập.

- Triển khai hệ thống đánh giá hiệu quả công việc theo KPI để làm cơ sở đánh giá thi đua và trả lương cho người lao động trong các đơn vị của Tổng công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động SXKD, ĐTXD năm 2021, phương hướng nhiệm vụ kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2022 của Tcty.

Hội đồng quản trị, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TV.HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

Trịnh Văn Tuệ